

Yên Bái, ngày 30 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị dự toán trực thuộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái.

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 640/QĐ-CTHADS ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao điều chỉnh, dự toán thu, chi phí thi hành án dân sự năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 679/QĐ-CTHADS ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-CTHADS ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự về việc giao điều chỉnh dự toán thu, chi phí thi hành án dân sự năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của phụ trách kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai phân bổ dự toán ngân sách nhà nước đợt 2 năm 2022 cho các đơn vị dự toán trực thuộc Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái (chi tiết theo Phụ lục đính kèm Quyết định này).



CỤC THI HÀNH AN DÂN SỰ QUẢN LÝ THU VÀ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Mẫu biểu số 49

(Kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC)

TỔNG HỢP PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Theo Quyết định số: 153/QĐ - CTHADS ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo từng đơn vị sử dụng										
			Văn phòng	Thành phố	Mù Cang Chải	Trần Yên	Yên Bình	Lục Yên	Văn Chấn	Trạm Tấu	Văn Yên	Nghĩa Lộ	
A	B	1=sum(2;11)	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
I	Tổng số thu, chi, nộp NS phí, lệ phí	0											
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.290.280	269.830	165.560	142.370	80.270	79.750	80.270	164.270	72.370	80.270	155.320	
I	Chi quản lý hành chính (Loại 340 - Khoản 341)	1.247.580	227.130	165.560	142.370	80.270	79.750	80.270	164.270	72.370	80.270	155.320	
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	411.080	73.600	12.670	21.570	18.830	18.150	18.830	102.830	21.570	18.830	104.200	
1.2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	836.500	153.530	152.890	120.800	61.440	61.600	61.440	61.440	50.800	61.440	51.120	
-	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	820.000	150.000	150.000	120.000	60.000	60.000	60.000	60.000	50.000	60.000	50.000	
-	Kinh phí tiết kiệm để CCTL (Mã nguồn 14)	16.500	3.530	2.890	800	1.440	1.600	1.440	1.440	800	1.440	1.120	
2	Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - Khoản 085)	42.700	42.700	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1.2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	42.700	42.700	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Mã quan hệ Ngân sách		1054132	1054655	1054770	1054837	1054946	1054836	1054769	1054767	1054765	1054766	

Số: 154/QĐ- CTHADS

Yên Bái, ngày 30 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách đợt 2 năm 2022 của Văn phòng Cục Thi hành án dân sự

Căn cứ Quyết định số 61/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thi hành án dân sự;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 640/QĐ-CTHADS ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao điều chỉnh, dự toán thu, chi phí thi hành án dân sự năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 679/QĐ-CTHADS ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-CTHADS ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự về việc giao điều chỉnh dự toán thu, chi phí thi hành án dân sự năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-CTHADS ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của phụ trách kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái (chi tiết theo Phụ lục đính kèm Quyết định này).

CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH YÊN BÁI

GIÁO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Đơn vị: Văn phòng Cục Thi hành án dân sự Mã số SDNS : 1054132

(Kèm theo QĐ số: 154/QĐ- CTHADS ngày 30/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái)

Biên chế kế hoạch: 22

Đơn vị : 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ
A	SỐ THU, CHI NGÂN SÁCH VỀ PHÍ, LỆ PHÍ	
1	Số thu phí, lệ phí	-
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí để lại (Gồm: số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng cục)	-
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	-
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	269,830
	Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ	73,600
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	196,230
I	Chi quản lý hành chính (Loại 340 - khoản 341)	227,130
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	73,600
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	153,530
-	<i>Kinh phí không thực hiện tự chủ</i>	<i>150,000</i>
-	<i>Kinh phí tiết kiệm để CCTL (Mã nguồn 14)</i>	<i>3,530</i>
II	Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - khoản 085)	42,700
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	42,700
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	-